

**UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TƯ PHÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 108 /STP-VP

Đồng Nai, ngày 08 tháng 02 năm 2014

V/v triển khai Quyết định số 204/QĐ-BTP; 206/QĐ-BTP; 03/QĐ-CCTPN.

Kính gửi:

- Các Phòng chuyên môn và tương đương thuộc Sở Tư pháp;
- Phòng Công chứng số 1, 2, 3, 4;
- Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản;
- Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước.
- Phòng Tư pháp các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa.

Triển khai Quyết định số 204/QĐ-BTP ngày 22/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của vụ Pháp luật Quốc tế; Quyết định số 206/QĐ-BTP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Hợp tác quốc tế ; Quyết định số 03/QĐ-CCTPN ngày 24/01/2014 của Cục Công tác phía Nam về việc phân công nhiệm vụ trong Lãnh đạo Cục Công tác phía Nam; Chương trình số 889/CTr-UBND ngày 25/01/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai về Chương trình công tác năm 2014 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Sở Tư pháp đề nghị thủ trưởng các đơn vị cập nhật vào Công Thông tin điện tử của Sở Tư pháp theo địa chỉ <http://stp.dongnai.gov.vn> để tải văn bản nêu trên triển khai thực hiện./.

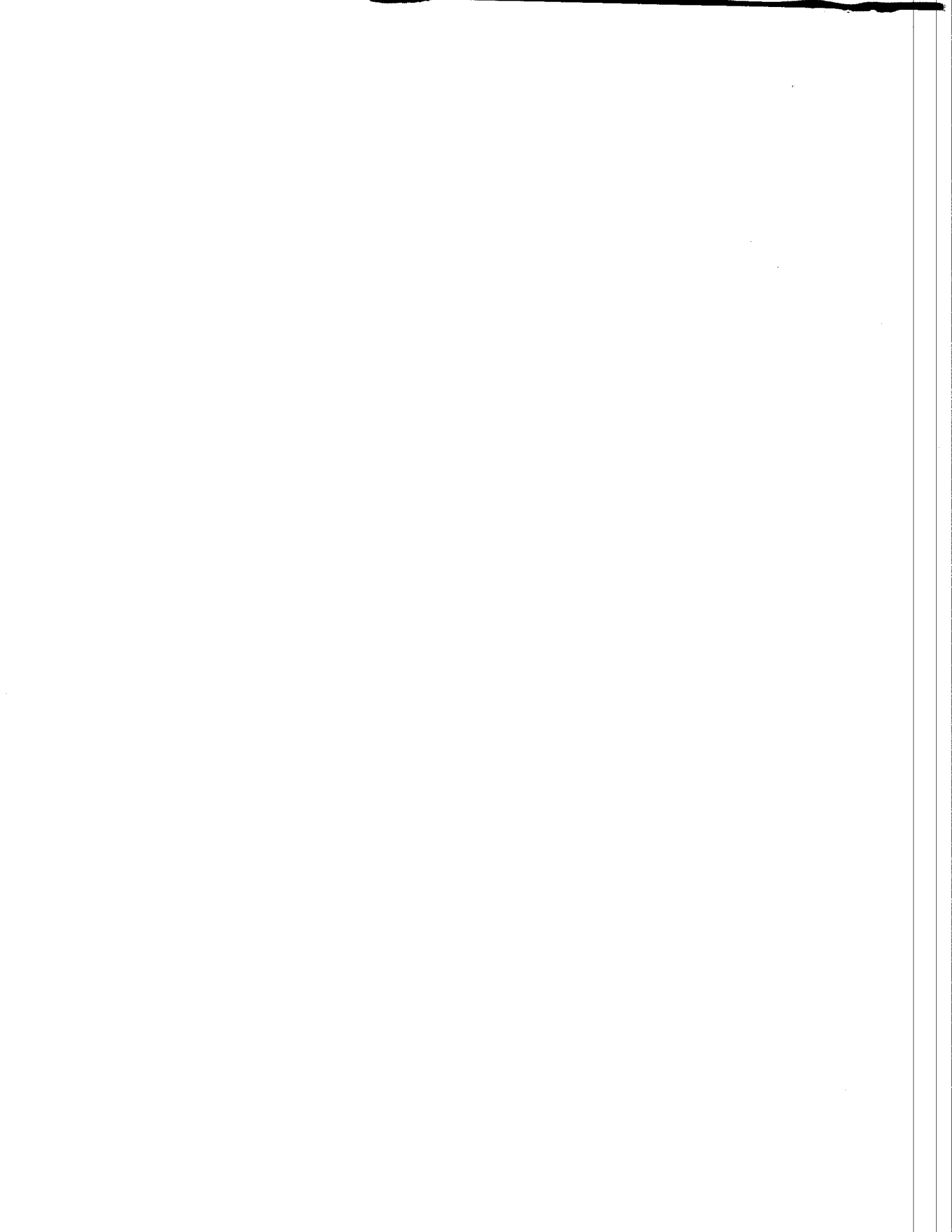
Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc STP;
- Trang thông tin điện tử;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



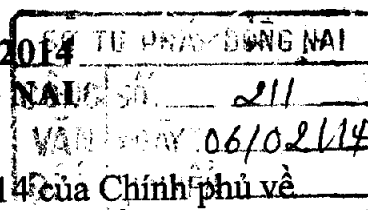
Phan Văn Châu



Số: 989 /CTr-UBND

Đồng Nai, ngày 25 tháng 01 năm 2014

CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC NĂM 2014
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI



Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 02/01/2014 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2014; Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 20/01/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2014; Nghị quyết số 96/2013/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa VIII – kỳ họp thứ 9 về mục tiêu, giải pháp thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh và Quy định giá các loại đất tỉnh Đồng Nai năm 2014; UBND tỉnh Đồng Nai xây dựng chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2014 như sau:

Phần I

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2014

I- Mục tiêu, nhiệm vụ

1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh phát triển kinh tế, thực hiện đồng bộ các chính sách bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, tăng cường hoạt động bảo vệ môi trường, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

2. Nhiệm vụ

Năm 2014 là năm thứ tư, có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ IX, Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh (Khóa VII) về mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh 5 năm 2011 – 2015. UBND tỉnh yêu cầu các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa khẩn trương triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 02/01/2014 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2014 và các nhiệm vụ theo Báo cáo số 10065/BC-UBND ngày 22/11/2013 của UBND tỉnh về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh năm 2013, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2014, trong đó tập trung cho các nhiệm vụ chủ yếu sau đây: Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nội bộ các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ theo hướng tăng trưởng xanh; Tăng cường thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước, hỗ trợ doanh nghiệp; Tiếp tục phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; Chú trọng giải quyết các vấn đề bức xúc của xã hội và thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội; Đẩy mạnh thực hiện công tác bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu để phát triển bền vững; Tiếp tục nâng cao hiệu quả, hiệu

lực công tác quản lý nhà nước, tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2011 -2020, tập trung vào công tác xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính và chất lượng dịch vụ công: Tăng cường kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế xã hội đi đôi với đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

3. Các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2014:

a/ Các chỉ tiêu kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2014 khoảng 11% - 12% so với năm 2013 (theo giá so sánh 94). (Nếu tính theo giá so sánh 2010 thì tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2014 khoảng 10,8% - 11,8% so với năm 2013).

- GRDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành) từ 56 - 57 triệu đồng, quy đôla từ 2.640 USD đến 2.680 USD.

- Cơ cấu kinh tế năm 2014: ngành công nghiệp xây dựng chiếm 56% - 57%; ngành dịch vụ chiếm 37% - 38%; ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 5% - 6%.

- Giá trị sản xuất công nghiệp (giá cố định 1994) năm 2014 tăng 13,5% - 14,5% so với năm 2013, tính theo giá so sánh 2010 thì giá trị sản xuất công nghiệp năm 2014 tăng 13% - 14% so với năm 2013.

- Giá trị tăng thêm của ngành dịch vụ năm 2014 (giá so sánh 94) tăng 14% - 14,5% so với năm 2013, tính theo giá so sánh 2010 thì giá trị tăng thêm của ngành dịch vụ năm 2014 tăng 13% - 13,5% so với năm 2013.

- Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản (giá cố định 1994) năm 2014 tăng 3,5% - 4% so với năm 2013, tính theo giá so sánh 2010 thì giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2014 tăng 3,2% - 3,6% so với năm 2013.

- Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội năm 2014 từ 43.000 tỷ đồng - 45.000 tỷ đồng, chiếm 27% - 28% GRDP.

- Dự kiến thu hút đầu tư nước ngoài từ 700 triệu USD - 900 triệu USD (bao gồm đăng ký mới và dự án tăng vốn).

- Dự kiến thu hút vốn đầu tư trong nước từ 7.000 tỷ đồng - 8.000 tỷ đồng.

- Doanh nghiệp trong nước đăng ký kinh doanh khoảng 6.500 tỷ đồng - 7.000 tỷ đồng (bao gồm đăng ký mới và đăng ký tăng vốn).

- Tổng kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn tăng từ 9% - 10% so với năm 2013.

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt dự toán Trung ương giao là 35.116 tỷ đồng.

b/ Các chỉ tiêu xã hội:

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 2014 dưới 1,1%.
- Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị còn 2,5%.
- Tỷ lệ sinh viên đại học, cao đẳng trên 1 vạn dân là 280 sinh viên.
- Số Bác sỹ /1 vạn dân là 6,7 bác sỹ.
- Số giường bệnh trên 1 vạn dân đạt 24,5 giường bệnh.
- Phần đầu 97% trạm y tế có bác sỹ phục vụ ổn định; 100% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế.
- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng cân nặng theo độ tuổi giảm còn 10,6%.
- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng chiều cao theo độ tuổi giảm còn 26%.
- Tạo việc làm mới cho 90.000 lao động. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 62%, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 48%.
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo đến cuối năm 2014 còn dưới 1% (theo chuẩn nghèo của tỉnh).
- Năm 2014 đạt 88,8% ấp, khu phố và 97% hộ gia đình đạt danh hiệu ấp, khu phố văn hóa, hộ gia đình văn hóa.
- Phần đầu 97% cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa.
- Tỷ lệ hộ dùng điện đạt 99,6%.

c/ Chỉ tiêu môi trường:

- Tỷ lệ dân cư thành thị sử dụng nước sạch đạt 98,6%, tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 94,4%.
- Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải y tế đạt 100%; thu gom 90% và xử lý 87% chất thải nguy hại; tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp không nguy hại đạt 95%.
- 100% các khu công nghiệp đang hoạt động trên địa bàn có trạm xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn môi trường.
- 100% các khu công nghiệp lấp đầy trên 50% diện tích được đầu tư trạm quan trắc môi trường.
- Tỷ lệ che phủ cây xanh đạt 56%, ổn định tỷ lệ che phủ rừng đạt 29,76%.

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CẢN TẬP TRUNG TRONG NĂM 2013

Nhằm hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2014, UBND tỉnh Đồng Nai chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh tập trung thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp chủ yếu như sau:

1. Tập trung triển khai Kế hoạch năm 2014 đảm bảo hoàn thành các mục tiêu đề ra

Đẩy nhanh phát triển kinh tế hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và

năng lực cạnh tranh. Tập trung rà soát, điều chỉnh các quy hoạch phát triển nhằm khai thác các lợi thế, tiềm năng để thúc đẩy phát triển kinh tế; thực hiện tốt và đồng bộ các chính sách an sinh xã hội nhằm cải thiện, nâng cao đời sống nhân dân. Nâng cao chất lượng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, đảm bảo xây dựng vững chắc khu vực phòng thủ tỉnh. Bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2014.

2. Đẩy mạnh triển khai các Chương trình mục tiêu quốc gia; chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; Tiếp tục rà soát, huy động thêm nguồn lực ngoài ngân sách để bổ sung nguồn vốn đầu tư để thực hiện các chương trình, phân đầu thực hiện thắng lợi các Chương trình theo mục tiêu đề ra.

3. Thực hiện thu hút đầu tư theo đúng định hướng Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ IX và Nghị quyết 5 năm 2012-2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khoá VIII

Tiếp tục thu hút đầu tư có chọn lọc theo hướng ưu tiên thu hút các dự án công nghệ cao, các dự án đầu tư chiều sâu, nâng cấp thiết bị công nghệ, các dự án thân thiện với môi trường; dự án công nghiệp hỗ trợ phục vụ phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn như cơ khí chế tạo, điện - điện tử, chế biến thực phẩm sạch; chuyển các dự án sử dụng nhiều lao động về vùng nông thôn. Thu hút các dự án công nghiệp hỗ trợ nhằm tăng tỷ lệ nội địa hóa và chuỗi giá trị gia tăng của sản phẩm sản xuất tại Việt Nam, giảm nhập siêu, góp phần ổn định sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đột phá về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng trên địa bàn, trong đó tập trung đầu tư các dự án hạ tầng giao thông kết nối, dự án thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

4. Tăng cường công tác hỗ trợ doanh nghiệp

Tiếp tục hoàn thiện môi trường đầu tư kinh doanh thông qua việc hỗ trợ và thực hiện tốt các cơ chế chính sách nhà nước đã ban hành, đẩy mạnh cải cách và cung cấp thông tin cho doanh nghiệp nhằm không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp. Công khai minh bạch các thủ tục hành chính và thực hiện đơn giản hóa thủ tục, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết các thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh; đồng thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, rào cản trong quá trình phát triển của các doanh nghiệp. Tiếp tục đẩy mạnh công tác hỗ trợ doanh nghiệp nhằm nâng cao năng lực và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Xây dựng cơ chế khuyến khích, hỗ trợ phù hợp để các doanh nghiệp đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng tăng trưởng xanh và ngày càng hòa nhập sâu vào nền kinh tế thế giới.

5. Tập trung chỉ đạo quản lý thu chi ngân sách, quản lý đầu tư từ

ngân sách, quản lý hoạt động ngân hàng

Đẩy mạnh triển khai các biện pháp thu ngân sách, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát việc kê khai thuế, quyết toán thuế của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân để thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác nhằm chống thất thu ngân sách Nhà nước. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát các dự án sử dụng vốn ngân sách, không bố trí vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho các dự án không thuộc nhiệm vụ chi đầu tư theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

6. Phát triển các lĩnh vực văn hoá xã hội

Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc địa phương làm cho giá trị văn hóa Việt Nam thấm sâu, tỏa sáng trong đời sống. Tiếp tục thực hiện xã hội hóa đối với lĩnh vực văn hóa, thể dục thể thao. Đẩy mạnh hoạt động phong trào thể dục thể thao quần chúng và phấn đấu đạt thành tích cao tại các kỳ đại hội thể dục thể thao toàn quốc và quốc tế. Tập trung xây dựng đời sống, lối sống và môi trường văn hóa lành mạnh tại các cơ quan, công sở. Hướng vào xây dựng nhân cách con người và lý tưởng đạo đức lối sống, lòng tự tôn dân tộc, ý thức chấp hành pháp luật, trách nhiệm xã hội của công dân, nhất là trong thế hệ trẻ. Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá". Tăng cường quản lý các lễ hội, hoạt động văn hoá, thể thao, bảo đảm tiết kiệm, an ninh trật tự xã hội; Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục và sử dụng hiệu quả nguồn lực Nhà nước để giải quyết các khó khăn về cơ sở vật chất, điều kiện dạy và học nhất là các vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và đối tượng chính sách xã hội; đồng thời không ngừng nâng cao trình độ đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý ngành giáo dục - đào tạo. Khuyến khích phát triển đa dạng hệ thống dạy nghề trên địa bàn tỉnh theo hướng phát triển nhanh về quy mô đi đôi với nâng cao chất lượng.

Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khoẻ nhân dân. Củng cố mạng lưới y tế dự phòng, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng từ tuyến tỉnh đến cơ sở, không để dịch bệnh lớn xảy ra; Thực hiện tốt chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình, giám sát chặt chẽ vệ sinh an toàn thực phẩm. Đẩy mạnh xã hội hóa và đa dạng hóa nguồn lực đối với các lĩnh vực y tế; Huy động các nguồn lực cho chương trình giải quyết việc làm, phát triển mạng lưới giới thiệu việc làm đi đôi với hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động. Giảm tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị và nâng cao tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn; Phối hợp, lồng ghép các chương trình mục tiêu để thực hiện giảm nghèo bền vững, tạo chuyển biến mạnh về giảm nghèo ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc. Từng bước bảo đảm bình đẳng giới; thu hẹp khoảng cách giới, xóa dần định kiến về giới trong đời sống xã hội.

7. Phát triển khoa học và công nghệ, quản lý tài nguyên môi trường

Tập trung nghiên cứu thực hiện một số sản phẩm, dịch vụ có hàm lượng chất xám cao, mang tính cạnh tranh và thương mại để góp phần tạo lập

thị trường khoa học và công nghệ, đồng thời làm tiền đề cho quan hệ hợp tác và hội nhập khoa học và công nghệ khu vực và thế giới. Phát triển mạnh tiềm lực khoa học và công nghệ. Tăng cường sự hợp tác khoa học và công nghệ với các nước trong khu vực và với các địa phương nhằm phục vụ cho việc đẩy mạnh hoạt động khoa học và công nghệ trọng điểm của tỉnh. Tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch di dời các cơ sở sản xuất, kinh doanh có vị trí không phù hợp với quy hoạch, gây ô nhiễm môi trường và có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường ra khỏi các khu vực đô thị, dân cư đông đúc. Kiểm soát chặt chẽ việc cấp phép và quản lý khai thác tài nguyên, khoáng sản.

8. Tăng cường công tác thanh tra, tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng

Tăng cường việc quản lý và sử dụng vốn, thực hiện nghĩa vụ ngân sách nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc tỉnh; thanh tra các chương trình, đề án phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục kiểm tra rà soát, giải quyết các vụ việc tồn đọng, phức tạp kéo dài. Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện kết luận số 21-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI và Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 (sửa đổi), trong đó tập trung vào một số nội dung: Đẩy mạnh thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng; Giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân.

9. Đảm bảo công tác quốc phòng - an ninh

Phát triển kinh tế xã hội kết hợp chặt chẽ với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh. Nâng cao chất lượng hoạt động quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân trong tình hình mới. Xây dựng địa bàn vững mạnh toàn diện, gắn thể trận quốc phòng toàn dân với thể trận an ninh nhân dân; xây dựng thể trận lòng dân và huy động các tiềm lực để xây dựng tỉnh thành khu vực phòng thủ tỉnh vững chắc; thực hiện tốt nhiệm vụ phòng thủ dân sự ở địa phương, cơ sở. Đẩy mạnh thực hiện chương trình quốc gia về chống tội phạm, nhất là phòng chống ma túy, mại dâm; bảo đảm an toàn giao thông, tìm kiếm cứu nạn và phòng cháy chữa cháy.

10. Bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu để phát triển bền vững

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến về công tác bảo vệ môi trường. Tiếp tục triển khai Nghị quyết Trung ương 7 (khóa XI) về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; Nghị quyết của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Triển khai thực hiện Kế hoạch của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (khóa XI) về “tiếp tục đổi mới chính sách pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011-2015.

Phần II
CÁC BÁO CÁO, CHUYÊN ĐỀ, ĐỀ ÁN DỰ KIẾN TRÌNH HĐND TỈNH,
UBND TỈNH, CHỦ TỊCH VÀ PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH

I. CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC QUÝ I/2014:

A. NỘI DUNG CÁC PHIÊN HỌP UBND TỈNH THƯỜNG KỲ:

STT	TÊN BÁO CÁO, CHUYÊN ĐỀ, ĐỀ ÁN	CƠ QUAN TRÌNH	THÁNG	GHI CHÚ
1	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 01/2014; phương hướng, nhiệm vụ tháng 02/2014.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1	Thành viên UBND tỉnh
2	Báo cáo phân bổ chỉ tiêu kết hoạch các Chương trình MTQG năm 2014 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, ngành Trung ương	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1	UBND tỉnh
3	Báo cáo kết quả nhận, xử lý văn bản và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh đến các Sở, Ban, ngành tháng 01/2014.	Văn phòng UBND tỉnh	1	Thành viên UBND tỉnh
4	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 02/2014; phương hướng, nhiệm vụ tháng 3/2014.	Sở Kế hoạch và Đầu tư,	2	Thành viên UBND tỉnh
5	Báo cáo kết quả nhận, xử lý văn bản và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh đến các Sở, Ban, ngành tháng 02/2014.	Văn phòng UBND tỉnh	2	Thành viên UBND tỉnh
6	Nghị quyết về phân bổ biên chế công chức năm 2014	Sở Nội Vụ	3	HĐND tỉnh UBND tỉnh
7	Báo cáo xếp hạng chỉ số cải cách hành chính các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã năm 2013	Sở Nội Vụ	3	HĐND tỉnh UBND tỉnh
8	Báo cáo đánh giá tình hình kinh tế - xã hội quý I năm 2014; phương hướng nhiệm vụ quý II năm 2014.	Sở Kế hoạch và Đầu tư,	3	Thành viên UBND tỉnh
9				
10	Báo cáo công tác cải cách hành chính quý I/2014	Sở Nội vụ	Quý I	Thành viên UBND tỉnh
11	Báo cáo xếp hạng chỉ số cải cách hành chính các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã năm 2013	Sở Nội vụ	Quý I	Thành viên UBND tỉnh
12	Báo cáo về thực hành tiết kiệm chống lãng phí	Sở Tài chính	Quý I	Thành viên UBND tỉnh

13	Báo cáo sắp xếp, cổ phần hóa DNNN theo chỉ đạo của UBND tỉnh và các Bộ, ngành	Sở Tài chính	Quý I	Thành viên UBND tỉnh
14	Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu các Tổng công ty, công ty nhà nước đã được UBND tỉnh phê duyệt	Sở Tài chính	Quý I	Thành viên UBND tỉnh
15	Báo cáo tình hình thực hiện Quyết định số 2572/QĐ-UBND ngày 16/8/2013 về phân công, phân cấp các Sở, ngành và Hội đồng thành viên của các Tổng công ty, công ty nhà nước thực hiện Nghị định số 99/2012/NĐ-CP	Sở Tài chính	Quý I	UBND tỉnh
16	Báo cáo tình hình SXKD của doanh nghiệp có vốn nhà nước năm 2013; công tác hỗ trợ doanh nghiệp ngoài quốc doanh, phát triển kinh tế tập thể	Sở Tài chính	Quý I	Thành viên UBND tỉnh

B. CÁC ĐỀ ÁN, BÁO CÁO TRÌNH CHỦ TỊCH, CÁC PHÓ CHỦ TỊCH VÀ XIN Ý KIẾN THÀNH VIÊN UBND TỈNH:

STT	TÊN BÁO CÁO, CHUYÊN ĐỀ, ĐỀ ÁN	CƠ QUAN TRÌNH	THÁNG	CẤP TRÌNH
1	Kế hoạch công tác PCCC và CNCH năm 2014	Sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy	01	UBND tỉnh
2	Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành về PCCC	Sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy	01	UBND tỉnh
3	Quyết định tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	Sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy	01	UBND tỉnh
4	Báo cáo kết quả quản lý cột mốc địa giới hành chính các cấp năm 2013	Sở Nội vụ	01	UBND tỉnh
5	Báo cáo tổng kết thực hiện giao ước thi đua Cụm miền Đông Nam Bộ	Sở Nội vụ	01	UBND tỉnh
6	Quyết định ban hành Quy định về khen thưởng đột xuất trên địa bàn tỉnh	Sở Nội vụ	01	UBND tỉnh

7	Kế hoạch công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh	Sở Nội vụ	01	UBND tỉnh
8	Báo cáo số lượng, chất lượng cán bộ, công chức năm 2013	Sở Nội vụ	01	UBND tỉnh
9	Quyết định ban hành Quy chế về thu tiền sử dụng đất và ghi nợ, thanh toán nợ tiền sử dụng đất	Cục Thuế tỉnh	01	UBND tỉnh
10	Chương trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh năm 2013	Sở Công thương	01	UBND tỉnh
11	Báo cáo tình hình thực hiện chi trợ cấp Tết Nguyên đán Giáp Ngọ năm 2014 cho toàn bộ CNCCVC và đối tượng chính sách, an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Sở Tài chính	02	UBND tỉnh
12	Kế hoạch tổ chức các hoạt động hưởng ứng tuần lễ quốc gia về vệ sinh an toàn lao động – phòng chống cháy nổ lần thứ 16 năm 2014	Phòng Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy	02	UBND tỉnh
	Chỉ thị phát động thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng – an ninh trên địa bàn tỉnh	Sở Nội vụ	02	UBND tỉnh
13	Báo cáo tổng kết phong trào thi đua yêu nước trên địa bàn tỉnh	Sở Nội vụ	03	UBND tỉnh
	Báo cáo tổng kết hoạt động của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh	Sở Nội vụ	03	UBND tỉnh
	Quyết định điều chỉnh, bổ sung Cụm thi đua trên địa bàn tỉnh	Sở Nội vụ	03	UBND tỉnh
14	Báo cáo tình hình thực hiện các chương trình MTQG năm 2013	Sở Kế hoạch và Đầu tư	03	UBND tỉnh
15	Chương trình khuyến công	Sở Công thương	03	UBND tỉnh
16	Chương trình xúc tiến thương mại năm 2014	Sở Công thương	03	UBND tỉnh
17	Đề án về Chương trình, kế hoạch phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn đến năm 2020 và giai đoạn 2021-2030	Sở Xây dựng	Quý I	UBND tỉnh
18	Kế hoạch tập huấn nghiệp vụ cải cách hành chính năm 2014	Sở Nội vụ	Quý I	UBND tỉnh

	Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến của người dân, doanh nghiệp về hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước; chất lượng phục vụ tại các đơn vị giáo dục, y tế;	Sở Nội vụ	Quý I	UBND tỉnh
	Chương trình công tác thanh niên tỉnh Đồng Nai năm 2014	Sở Nội vụ	Quý I	UBND tỉnh
	Chỉ thị về công tác văn thư, lưu trữ năm 2014	Sở Nội vụ	Quý I	UBND tỉnh
19	Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 50/2008/QĐ-UBND ngày 05/8/2008 ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các KCN	Ban Quản lý các KCN	Quý I	UBND tỉnh
20	Quyết định ban hành Quy định về việc xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Nai	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý I	UBND tỉnh
21	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 26/7/2011 về việc ban hành Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, bảo hộ sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập giai đoạn 2011-2015	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý I	UBND tỉnh
22	Chỉ thị về tăng cường hoạt động QLNN về tiêu chuẩn đo lường chất lượng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (<i>thay thế Chỉ thị số 07/CT-UNND ngày 05/3/2009</i>)	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý I	UBND tỉnh
23	Quyết định ban hành Quy chế phối hợp xử lý dự án sau khi cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư; thông báo chấm dứt hiệu lực văn bản thỏa thuận địa điểm đối với các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh (ngoài khu công nghiệp) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý I	UBND tỉnh
24	Quyết định phê duyệt kế hoạch giám sát đánh giá dự án đầu tư của các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý I	UBND tỉnh

25	Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện công tác và xây dựng chương trình công tác cho Ban đổi mới & Phát triển doanh nghiệp	Sở Tài chính	Quý I	UBND tỉnh
26	Phê duyệt Đề án tái cơ cấu các Tổng công ty, công ty nhà nước giai đoạn 2012-2015, tầm nhìn đến năm 2020	Sở Tài chính	Quý I	UBND tỉnh
27	Báo cáo tình hình phối hợp kiểm tra tiền lương, thu nhập của Hội đồng thành viên, giám đốc, Tổng giám đốc, kế toán trưởng... của doanh nghiệp nhà nước và công ty CP có vốn nhà nước trên 50%	Sở Tài chính	Quý I	UBND tỉnh
28	Báo cáo tình hình kiểm tra báo cáo tài chính năm 2012 của các Tổng công ty, công ty nhà nước	Sở Tài chính	Quý I	UBND tỉnh
29	Báo cáo công tác triển khai thực hiện Phương án củng cố Chi cục tài chính doanh nghiệp đã được UBND tỉnh phê duyệt	Sở Tài chính	Quý I	UBND tỉnh
30	Đánh giá tình hình thực hiện thu chi ngân sách	Sở Tài chính	Quý I	UBND tỉnh
31	Quy hoạch bán lẻ thuốc lá trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015 -2025 có tính đến 2030	Sở Công thương	Quý I	UBND tỉnh
32	Chương trình phát triển dịch vụ trên địa bàn năm 2014	Sở Công thương	Quý I	UBND tỉnh
33	Chương trình hợp tác kinh tế quốc tế năm 2014	Sở Công thương	Quý I	UBND tỉnh
34	Đánh giá phân tích ảnh hưởng của ngập lụt do tác động tăng cường của biến đổi khí hậu đến hạ tầng ngành công nghiệp	Sở Công thương	Quý I	UBND tỉnh
35	Đánh giá khả năng cung ứng và sự gia tăng nhu cầu tiêu thụ điện-năng lượng trong công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai 2020 trong điều kiện biến đổi khí hậu	Sở Công thương	Quý I	UBND tỉnh
36	Đề án tập huấn, huấn luyện lực lượng ứng phó với sự cố hóa chất độc hại trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	Sở Công thương	Quý I	UBND tỉnh
37	Đề án nâng cấp cơ sở dữ liệu an toàn hóa chất	Sở Công thương	Quý I	UBND tỉnh

38	Đề án phát triển ngành công nghiệp môi trường tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.	Sở Công thương	Quý I	UBND tỉnh
39	Chính sách hỗ trợ, biện pháp thông tin tuyên truyền phát triển ngành công nghiệp môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	Sở Công thương	Quý I	UBND tỉnh
40	Thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường của Sở Công Thương	Sở Công thương	Quý I	UBND tỉnh
41	Thực hiện Kế hoạch sản xuất sạch hơn trong công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Sở Công thương	Quý I	UBND tỉnh
42	Dự án xây dựng CSDL chuyên ngành Công Thương	Sở Công thương	Quý I	UBND tỉnh
43	Dự án nâng cấp phần mềm cấp phép qua mạng cấp độ 4	Sở Công thương	Quý I	UBND tỉnh
44	Dự án Nâng cấp Công thương mại điện tử Đồng Nai	Sở Công thương	Quý I	UBND tỉnh

II. CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC QUÝ II/2014:

A. NỘI DUNG CÁC PHIÊN HỌP UBND TỈNH THƯỜNG KỲ:

STT	TÊN BÁO CÁO, CHUYÊN ĐỀ, ĐỀ ÁN	CƠ QUAN TRÌNH	THÁNG	CẤP TRÌNH
1	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 4/2014; phương hướng, nhiệm vụ tháng 5/2014.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4	Thành viên UBND tỉnh
2	Báo cáo kết quả nhận, xử lý văn bản và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh đến các Sở, Ban, ngành tháng 4/2014.	Văn phòng UBND tỉnh	4	Thành viên UBND tỉnh
3	Báo cáo tình hình vận động, quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA Quý 1/2014	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4	UBND tỉnh
4	Báo cáo tình hình kinh tế, xã hội tháng 5/2014; phương hướng, nhiệm vụ tháng 6/2014.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	5	Thành viên UBND tỉnh
5	Báo cáo kết quả nhận, xử lý văn bản và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh đến các Sở, Ban, ngành tháng 5/2014.	Văn phòng UBND tỉnh	5	Thành viên UBND tỉnh

6	Chương trình Bình ổn giá năm 2014 và đầu năm 2015	Sở Công thương	5	UBND tỉnh
7	Báo cáo đánh giá tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2014; phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2014.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	6	Thành viên UBND tỉnh
8	Dự thảo Báo cáo, Tờ trình của UBND tỉnh, Nghị quyết HĐND tỉnh về phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh 6 tháng cuối năm 2014	Sở Kế hoạch và Đầu tư	6	UBND tỉnh
9	Báo cáo kết quả nhận, xử lý văn bản và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh đến các Sở, Ban, ngành tháng 6/2014.	Văn phòng UBND tỉnh	6	Thành viên UBND tỉnh
17	Nghị quyết của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung dự toán thu - chi ngân sách năm 2014 (nếu có nguồn)	Sở Tài chính	6	HĐND tỉnh UBND tỉnh
18	Tờ trình, Nghị quyết HĐND tỉnh về bổ sung dự toán thu - chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2014	Sở Tài chính	6	HĐND tỉnh UBND tỉnh
19	Báo cáo nguồn dự phòng ngân sách tỉnh Đồng Nai 6 tháng đầu năm 2014	Sở Tài chính	6	HĐND tỉnh UBND tỉnh
20	Báo cáo về thực hành tiết kiệm chống lãng phí	Sở Tài chính	Quý II	Thành viên UBND tỉnh
21	Báo cáo sắp xếp, cổ phần hóa DNNN theo chỉ đạo của UBND tỉnh và các Bộ, ngành	Sở Tài chính	Quý II	Thành viên UBND tỉnh
22	Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu các Tổng công ty, công ty nhà nước đã được UBND tỉnh phê duyệt	Sở Tài chính	Quý II	Thành viên UBND tỉnh
23	Báo cáo tình hình thực hiện Quyết định số 2572/QĐ-UBND ngày 16/8/2013 về phân công, phân cấp các Sở, ngành và Hội đồng thành viên của các Tổng công ty, công ty nhà nước thực hiện Nghị định số 99/2012/NĐ-CP	Sở Tài chính	Quý II	UBND tỉnh

24	Báo cáo tình hình SXKD của doanh nghiệp có vốn nhà nước năm 2013; công tác hỗ trợ doanh nghiệp ngoài quốc doanh, phát triển kinh tế tập thể	Sở Tài chính	Quý II	Thành viên UBND tỉnh
25	Đề án thống kê ngành Công Thương năm 2014 (mở lớp tập huấn nghiệp vụ thống kê cho cán bộ ngành công thương)	Sở Công thương	Quý II	Thành viên UBND tỉnh

B. CÁC ĐỀ ÁN, BÁO CÁO TRÌNH CHỦ TỊCH, CÁC PHÓ CHỦ TỊCH VÀ XIN Ý KIẾN THÀNH VIÊN UBND TỈNH:

STT	TÊN BÁO CÁO, CHUYÊN ĐỀ, ĐỀ ÁN	CƠ QUAN TRÌNH	THÁNG	CẤP TRÌNH
1	Quyết định phê duyệt giá thóc làm căn cứ tính và thu thuế sử dụng đất nông nghiệp bằng tiền thay thóc năm 2013	Cục Thuế tỉnh	4	UBND tỉnh
2	Kế hoạch phát triển, ứng dụng bức xạ trong ngành y tế tỉnh Đồng Nai đến năm 2020	Sở Y tế	4	UBND tỉnh
3	Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tổ chức thực hiện kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2014	Sở Giáo dục và Đào tạo	4	UBND tỉnh
4	Dự án đảm bảo thông tin vô tuyến bộ đàm phục vụ trong công tác lãnh đạo chỉ huy của Sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy	Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy	5	UBND tỉnh
5	Quyết định về việc giao chỉ tiêu mới đào tạo và đào tạo nghề năm 2014	Sở Kế hoạch và Đào tạo nghề năm 2014	6	UBND tỉnh
6	Quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh	Sở Nội vụ	6	UBND tỉnh
7	Quyết định ban hành quy định thẩm quyền và thời hạn phối hợp thẩm định, giải quyết các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Sở Nội vụ	6	UBND tỉnh

8	Đề án thu hút sinh viên y dược về công tác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Sở Y tế	6	UBND tỉnh
9	Đề án Bảo đảm tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2013-2020	Sở Y tế	6	UBND tỉnh
10	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch nguồn nhân lực Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai đến năm 2020	Sở Giáo dục và Đào tạo	6	UBND tỉnh
	Kế hoạch của UBND tỉnh về thời gian năm học 2014 – 2015 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Đồng Nai	Sở Giáo dục và Đào tạo	6	UBND tỉnh
	Tờ trình của UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết phê duyệt đề án Phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2014 – 2018	Sở Giáo dục và Đào tạo	6	UBND tỉnh
11	Đề án điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở tỉnh Đồng Nai đến năm 2020	Sở Xây dựng	6	UBND tỉnh
12	Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện công tác và xây dựng chương trình công tác cho Ban đổi mới & Phát triển doanh nghiệp	Sở Tài chính	Quý II	UBND tỉnh
13	Đánh giá tình hình thực hiện thu chi ngân sách	Sở Tài chính	Quý II	UBND tỉnh
14	Báo cáo công tác Cải cách hành chính Quý II/2014	Sở Nội vụ	Quý II	UBND tỉnh
15	Quyết định ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Đồng Nai (thay thế Quyết định số 11/2010/QĐ-UBND ngày 04/3/2010)	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý II	UBND tỉnh

III. CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC QUÝ III/2014:

A. NỘI DUNG CÁC PHIÊN HỌP UBND TỈNH THƯỜNG KỲ:

STT	TÊN BÁO CÁO, CHUYÊN ĐỀ, ĐỀ ÁN	CƠ QUAN TRÌNH	THÁNG	GHI CHÚ
1	Dự thảo báo cáo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2014 (<i>Kế hoạch năm 2014 lần 1 - báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư</i>)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	7	UBND tỉnh
2	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 7/2014; phương hướng, nhiệm vụ tháng 8/2014.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	7	Thành viên UBND tỉnh
3	Báo cáo tình hình thực hiện các Chương trình MTQG 6 tháng đầu năm 2014	Sở Kế hoạch và Đầu tư	7	UBND tỉnh
4	Dự thảo Chỉ thị của UBND tỉnh về Xây dựng kế hoạch phát triển KT-XH năm 2015	Sở Kế hoạch và Đầu tư	7	UBND tỉnh
5	Xây dựng kế hoạch các Chương trình MTQG năm 2015	Sở Kế hoạch và Đầu tư	7	UBND tỉnh
6	Báo cáo tình hình vận động, quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA 6 tháng đầu năm 2014	Sở Kế hoạch và Đầu tư	7	UBND tỉnh
7	Báo cáo tình hình quản lý và sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài - NGOs trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2014	Sở Kế hoạch và Đầu tư	7	UBND tỉnh
8	Báo cáo đánh giá tổng thể đầu tư 6 tháng, báo cáo đấu thầu, báo cáo giám sát đầu tư của cộng đồng 6 tháng năm 2014.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	7	Thành viên UBND tỉnh
9	Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư và xây dựng năm 2014.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	7	Thành viên UBND tỉnh
10	Dự thảo đăng ký kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2014 với Trung ương.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	7	Thành viên UBND tỉnh
11	Xây dựng kế hoạch các Chương trình MTQG năm 2015	Sở Kế hoạch và Đầu tư	7	UBND tỉnh
12	Báo cáo kết quả nhận, xử lý văn bản và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh đến các Sở, Ban, ngành tháng 7/2014.	Văn phòng UBND tỉnh	7	Thành viên UBND tỉnh
13	Báo cáo công tác cải cách hành chính Quý II/2014	Sở Nội vụ	7	Thành viên UBND tỉnh

14	Nghị quyết về việc quy định chế độ khoán quỹ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp, khu phố	Sở Nội vụ	7	UBND tỉnh
15	Đề án vị trí việc làm trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp	Sở Nội vụ	7	UBND tỉnh
16	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 8/2014; phương hướng, nhiệm vụ tháng 9/2014.	Sở Kế hoạch và Đầu tư,	8	Thành viên UBND tỉnh
17	Quyết định điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành y tế tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025	Sở Y tế	8	UBND tỉnh
18	Đề án Thu gom và vận chuyển rác thải y tế của các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Sở Y tế	8	UBND tỉnh
19	Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh về nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục chuyên nghiệp và giáo dục đại học tỉnh Đồng Nai năm học 2014 - 2015	Sở Giáo dục và Đào tạo	8	UBND tỉnh
	Kế hoạch của UBND về nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tỉnh Đồng Nai đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020	Sở Giáo dục và Đào tạo	8	UBND tỉnh
20	Báo cáo kết quả nhận, xử lý văn bản và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh đến các Sở, Ban, ngành chưa thực hiện tháng 8/2014.	Văn phòng UBND tỉnh	8	Thành viên UBND tỉnh
21	Báo cáo đánh giá tình hình kinh tế - xã hội 9 tháng đầu năm 2010; phương hướng, nhiệm vụ quý IV/2014.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	9	Thành viên UBND tỉnh
22	Báo cáo kết quả nhận, xử lý văn bản và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh đến các Sở, Ban, ngành tháng 9/2014.	Văn phòng UBND tỉnh	9	Thành viên UBND tỉnh
23	Báo cáo công tác cải cách hành chính tháng quý III/2014.	Sở Nội vụ	Quý III	Thành viên UBND tỉnh
24	Báo cáo về thực hành tiết kiệm chống lãng phí	Sở Tài chính	Quý III	Thành viên UBND tỉnh
25	Báo cáo sắp xếp, cổ phần hóa DNNN theo chỉ đạo của UBND tỉnh và các Bộ, ngành	Sở Tài chính	Quý III	Thành viên UBND tỉnh

26	Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu các Tổng công ty, công ty nhà nước đã được UBND tỉnh phê duyệt	Sở Tài chính	Quý III	Thành viên UBND tỉnh
27	Báo cáo tình hình thực hiện Quyết định số 2572/QĐ-UBND ngày 16/8/2013 về phân công, phân cấp các Sở, ngành và Hội đồng thành viên của các Tổng công ty, công ty nhà nước thực hiện Nghị định số 99/2012/NĐ-CP	Sở Tài chính	Quý III	UBND tỉnh
28	Báo cáo tình hình SXKD của doanh nghiệp có vốn nhà nước năm 2013; công tác hỗ trợ doanh nghiệp ngoài quốc doanh, phát triển kinh tế tập thể	Sở Tài chính	Quý III	Thành viên UBND tỉnh

B. CÁC ĐỀ ÁN, BÁO CÁO TRÌNH CHỦ TỊCH, CÁC PHÓ CHỦ TỊCH VÀ XIN Ý KIẾN THÀNH VIÊN UBND TỈNH:

STT	TÊN BÁO CÁO, CHUYÊN ĐỀ, ĐỀ ÁN	CƠ QUAN TRÌNH	THÁNG	CẤP TRÌNH
1	Quyết định của UBND tỉnh quy định tổ chức và hoạt động của Sở Tài chính thay thế Quyết định số 82/2009/QĐ-UBND ngày 31/12/2009	Sở Tài chính	7	UBND tỉnh
2	Dự thảo báo cáo trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính về nhu cầu và nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2014	Sở Tài chính	7	UBND tỉnh
3	Quyết định ban hành quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thay thế Quyết định số 06/2011/QĐ-UBND ngày 25/01/2013	Sở Tài chính	7	UBND tỉnh
4	Quyết định của UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung dự toán thu – chi ngân sách năm 2014	Sở Tài chính	7	UBND tỉnh
5	Đề án quản lý cơ sở dữ liệu địa hình, dữ liệu quy hoạch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Sở Xây dựng	7	UBND tỉnh
6	Kế hoạch tổ chức Hội nghị Sơ kết công tác PCCC & CNCH 06 tháng đầu năm 2014 và triển khai phương hướng công tác của Ban Chỉ đạo PCCC tỉnh	Sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy	7	UBND tỉnh

7	Kế hoạch thực hiện tháng PCCC, hưởng ứng ngày toàn dân PCCC 4/10	Sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy	7	UBND tỉnh
8	Dự án xây dựng Đội PCCC Cẩm Mỹ	Sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy	7	UBND tỉnh
9	Thông báo số kiểm tra và hướng dẫn các đơn vị khối tỉnh, huyện về xây dựng dự toán năm 2015	Sở Tài chính	8	UBND tỉnh
10	Làm việc với Bộ Tài chính vòng 1, vòng 2 về dự toán thu chi ngân sách trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2015	Sở Tài chính	8	UBND tỉnh
11	Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện công tác và xây dựng chương trình công tác cho Ban đổi mới & Phát triển doanh nghiệp	Sở Tài chính	Quý III	UBND tỉnh
12	Đánh giá tình hình thực hiện thu chi ngân sách	Sở Tài chính	Quý III	UBND tỉnh
13	Quyết định của UBND tỉnh ban hành kèm theo Quy định về chế độ báo cáo thống kê cơ sở và thống kê tổng hợp công tác văn thư, lưu trữ và tài liệu lưu trữ	Sở Nội vụ	Quý III	UBND tỉnh
14	Quyết định ban hành Quy định về tiêu chuẩn đối với CB, CC cấp xã	Sở Nội vụ	Quý III	UBND tỉnh
15	Quyết định ban hành Quy định về việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn cấp tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý III	UBND tỉnh
16	Quyết định ban hành Quy định về việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý III	UBND tỉnh

IV. CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC QUÝ IV/2014:

A. NỘI DUNG CÁC PHIÊN HỌP UBND TỈNH THƯỜNG KỲ:

STT	TÊN BÁO CÁO, CHUYÊN ĐỀ, ĐỀ ÁN	CƠ QUAN TRÌNH	THÁNG	GHI CHÚ
-----	-------------------------------	---------------	-------	---------

1	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 10/2014; phương hướng, nhiệm vụ tháng 11/2014.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	10	Thành viên UBND tỉnh
2	Báo cáo kết quả nhận, xử lý văn bản và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh đến các Sở, Ban, ngành chưa thực hiện tháng 10/2014.	Văn phòng UBND tỉnh	10	Thành viên UBND tỉnh
3	Báo cáo công tác cải cách hành chính tháng 10/2014.	Sở Nội vụ	10	Thành viên UBND tỉnh
4	Báo cáo tình hình vận động, quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA Quý III năm 2014	Sở Kế hoạch và Đầu tư	10	UBND tỉnh
5	Báo cáo đánh giá tình hình kinh tế - xã hội năm 2014; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2015.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	11	Thành viên UBND tỉnh
6	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 11/2014; phương hướng, nhiệm vụ tháng 12/2014.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	11	Thành viên UBND tỉnh
7	Dự thảo Báo cáo, Tờ trình của UBND tỉnh, Nghị quyết của HĐND tỉnh về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2014.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	11	UBND tỉnh
8	Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch năm 2014	Sở Kế hoạch và Đầu tư	11	UBND tỉnh
9	Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về một số chủ trương, biện pháp điều hành kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2014	Sở Kế hoạch và Đầu tư	11	UBND tỉnh
10	Báo cáo kế hoạch phân bổ vốn đầu tư phát triển năm 2014.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	11	Thành viên UBND tỉnh
11	Báo cáo kết quả nhận, xử lý văn bản và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh đến các Sở, Ban, ngành tháng 11/2014.	Văn phòng UBND tỉnh	11	Thành viên UBND tỉnh

12	Báo cáo công tác cải cách hành chính tháng 11/2014.	Sở Nội vụ	11	Thành viên UBND tỉnh
13	Báo cáo về nguồn dự phòng ngân sách tỉnh 06 tháng cuối năm và cả năm 2014.	Sở Tài chính	11	HĐND UBND tỉnh
14	Báo cáo, Tờ trình, Nghị quyết HĐND tỉnh về quyết toán thu chi ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2013.	Sở Tài chính	11	HĐND UBND tỉnh
15	Tờ trình và Nghị quyết HĐND tỉnh về bổ sung dự toán 6 tháng cuối năm 2014	Sở Tài chính	11	HĐND UBND tỉnh
16	Báo cáo, Tờ trình, Nghị quyết HĐND tỉnh về thu - chi ngân sách nhà nước năm 2014 và xây dựng dự toán thu NSNN, chi NS địa phương, phân bổ NS tỉnh, bổ sung NS cấp dưới năm 2015	Sở Tài chính	11	HĐND UBND tỉnh
17	Nghị quyết về phê duyệt số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2014	Sở Nội vụ	12	HĐND UBND tỉnh
18	Báo cáo cải cách chế độ công chức, công vụ	Sở Nội vụ	12	UBND tỉnh
19	Báo cáo kết quả công tác dân vận chính quyền năm 2014	Sở Nội vụ	12	UBND tỉnh
20	Quy hoạch sản xuất nông nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Biên Hòa	UBND thành phố Biên Hòa	12	UBND tỉnh
21	Quy hoạch phân khu xã An Hòa	UBND thành phố Biên Hòa	12	UBND tỉnh
22	Quy hoạch phân khu xã Phước Tân	UBND thành phố Biên Hòa	12	UBND tỉnh
23	Dự thảo Chỉ thị triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2012	Sở Kế hoạch và Đầu tư	12	UBND tỉnh

24	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 12/2014; phương hướng, nhiệm vụ tháng 01/2014.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	12	Thành viên UBND tỉnh
25	Báo cáo kết quả nhận, xử lý văn bản và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh đến các Sở, Ban, ngành tháng 12/2014.	Văn phòng UBND tỉnh	12	Thành viên UBND tỉnh
26	Đánh giá tình hình thực hiện thu chi ngân sách	Sở Tài chính	Quý IV	UBND tỉnh
27	Báo cáo về thực hành tiết kiệm chống lãng phí	Sở Tài chính	Quý IV	Thành viên UBND tỉnh
28	Báo cáo sắp xếp, cổ phần hóa DNNN theo chỉ đạo của UBND tỉnh và các Bộ, ngành	Sở Tài chính	Quý IV	Thành viên UBND tỉnh
29	Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu các Tổng công ty, công ty nhà nước đã được UBND tỉnh phê duyệt	Sở Tài chính	Quý IV	Thành viên UBND tỉnh
30	Báo cáo tình hình thực hiện Quyết định số 2572/QĐ-UBND ngày 16/8/2013 về phân công, phân cấp các Sở, ngành và Hội đồng thành viên của các Tổng công ty, công ty nhà nước thực hiện Nghị định số 99/2012/NĐ-CP	Sở Tài chính	Quý IV	UBND tỉnh
31	Báo cáo tình hình SXKD của doanh nghiệp có vốn nhà nước năm 2013; công tác hỗ trợ doanh nghiệp ngoài quốc doanh, phát triển kinh tế tập thể	Sở Tài chính	Quý IV	Thành viên UBND tỉnh
32	Báo cáo định kỳ về công tác vận động, quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA năm 2014	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Trước 20/01/2015	UBND tỉnh
33	Báo cáo định kỳ về công tác quản lý và sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ - NGOs năm 2014	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Trước 20/01/2015	UBND tỉnh
34	Quyết định về việc Điều chỉnh nguồn vốn thực hiện các Chương trình MTQG năm 2013 (nếu có)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý IV	UBND tỉnh

35	Báo cáo công tác cải cách hành chính năm 2014	Sở Nội vụ	Quý IV	Thành viên UBND tỉnh
36	Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình tổng thể đào tạo phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2011-2015 trong năm 2014	Sở Nội vụ	Quý IV	UBND tỉnh
37	Báo cáo tổng kết triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông hiện đại tại UBND cấp huyện	Sở Nội vụ	Quý IV	UBND tỉnh

B. CÁC ĐỀ ÁN, BÁO CÁO TRÌNH CHỦ TỊCH, CÁC PHÓ CHỦ TỊCH VÀ XIN Ý KIẾN THÀNH VIÊN UBND TỈNH:

STT	TÊN BÁO CÁO, CHUYÊN ĐỀ, ĐỀ ÁN	CƠ QUAN TRÌNH	THÁNG	GHI CHÚ
1	Quyết định của UBND tỉnh về giao dự toán thu ngân sách nhà nước – chi ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách tỉnh và mức bổ sung ngân sách cấp dưới của tỉnh Đồng Nai năm 2015	Sở Tài chính	Tháng 12	UBND tỉnh
2	Quyết định của UBND tỉnh về quyết toán NSNN năm 2014	Sở Tài chính	12	UBND tỉnh
3	Kế hoạch tổ chức Hội nghị tổng kết công tác năm 2014 và triển khai kế hoạch công tác năm 2015 của Ban chỉ đạo PCCC tỉnh	Sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy	12	UBND tỉnh
4	Báo cáo chuyên đổi vị trí công tác năm 2014	Sở Nội vụ	12	UBND tỉnh
5	Báo cáo kết quả công tác quỹ, hội năm 2014	Sở Nội vụ	12	UBND tỉnh
6	Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện công tác và xây dựng chương trình công tác cho Ban đổi mới & Phát triển doanh nghiệp	Sở Tài chính	Quý IV	UBND tỉnh
7	Báo cáo kết quả thực hiện chương trình công tác thanh niên năm 2014	Sở Nội vụ	Quý IV	Thành viên UBND tỉnh

8	Quyết định của UBND tỉnh ban hành kèm theo Quy định về việc giao nộp, tiếp nhận tài liệu lưu trữ các cơ quan, tổ chức cấp huyện vào Lưu trữ lịch sử tỉnh	Sở Nội vụ	Quý IV	UBND tỉnh
9	Quyết định điều chỉnh “Quy định đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học và công nghệ cấp Tỉnh”	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý IV	UBND tỉnh
10	Quyết định ban hành Quy định quản lý các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp huyện, cấp ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý IV	UBND tỉnh
11	Quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Đồng Nai thay thế Quyết định số 23/2007/QĐ-UBND ngày 02/4/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai.	Sở Công thương	Quý IV	UBND tỉnh
12	Quyết định ban hành Quy chế xét tôn vinh danh hiệu Doanh nghiệp Đồng Nai tiêu biểu thuộc ngành công nghiệp mũi nhọn tỉnh Đồng Nai.	Sở Công thương	Quý IV	UBND tỉnh
13	Quy hoạch phát triển ngành Thương mại giai đoạn 2011-2015, tầm nhìn 2020, định hướng 2025.	Sở Công thương	Quý IV	UBND tỉnh

Trên đây là chương trình công tác năm 2014 của UBND tỉnh Đồng Nai. UBND tỉnh yêu cầu các sở, ngành và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện đúng tiến độ dự kiến và báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính Phủ (A+B);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, TXLK, TPBH ;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đình Quốc Thái

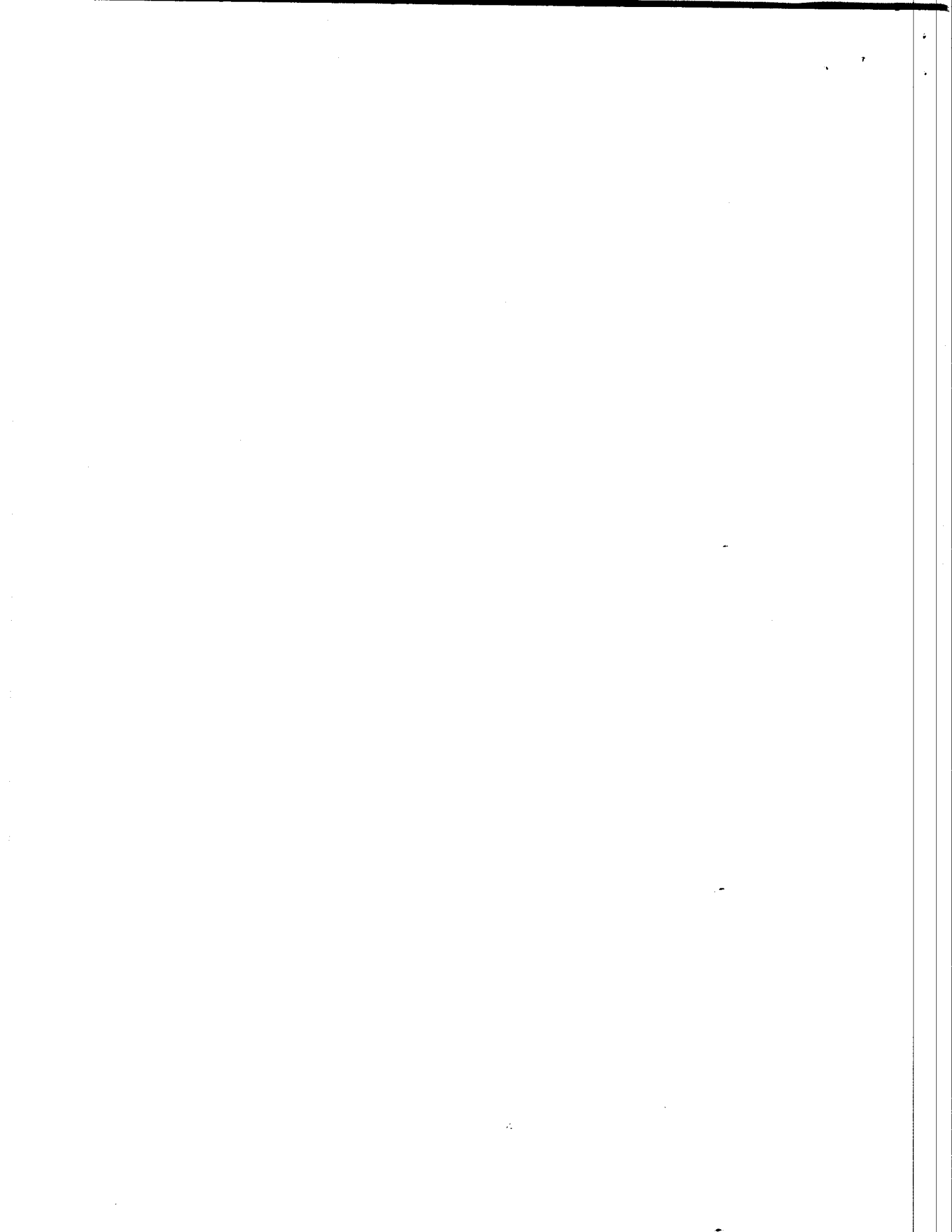


Phụ lục I

*Kèm theo Văn bản số 889 /CTr-UBND ngày 25/01/2014
của UBND tỉnh Đồng Nai)*

**DANH MỤC ĐỀ ÁN DỰ KIẾN TRÌNH CHÍNH PHỦ,
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ NĂM 2014 CỦA UBND TỈNH ĐỒNG NAI**

Stt	Tên đề án	Thời gian trình	Cấp trình					Căn cứ đăng ký trình
			TTg	CP	BBT	BCT	QH	
01	Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025	Quý I	X					Nghị định 92/2006/NĐ-CP; Nghị định 04/2008/NĐ-CP



**BỘ TƯ PHÁP
CỤC CÔNG TÁC PHÍA NAM**

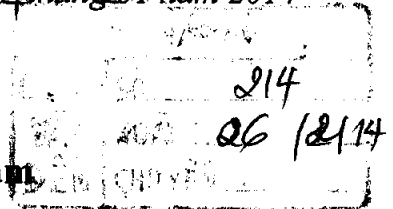
Số: 03/QĐ-CCTPN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân công nhiệm vụ
trong Lãnh đạo Cục Công tác phía Nam**



CỤC TRƯỞNG CỤC CÔNG TÁC PHÍA NAM

Căn cứ Quyết định số 1684/QĐ-BTP ngày 05 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Công tác phía Nam;

Căn cứ Quyết định số 1685/QĐ-BTP ngày 05 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành Quy chế làm việc của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 29/QĐ-CCTPN ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Cục trưởng Cục Công tác phía Nam về việc ban hành Quy chế làm việc của Cục Công tác phía Nam;

Sau khi trao đổi, thống nhất trong tập thể Lãnh đạo Cục Công tác phía Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nguyên tắc phân công nhiệm vụ công tác

1. Cục trưởng lãnh đạo, quản lý, điều hành chung mọi hoạt động thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cục Công tác phía Nam (Cục CTPN) theo quy định của pháp luật, Quy chế làm việc của Bộ và Quy chế làm việc của Cục CTPN, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng, Thứ trưởng phụ trách, trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Các Phó Cục trưởng giúp Cục trưởng quản lý, điều hành hoạt động của Cục CTPN, được Cục trưởng phân công và nhân danh Cục trưởng trực tiếp chỉ đạo, xử lý thường xuyên, toàn bộ công việc trong các lĩnh vực, phòng và địa bàn công tác được phân công.

Các Phó Cục trưởng chịu trách nhiệm trước Cục trưởng về chất lượng, tiến độ thực hiện nhiệm vụ, về duy trì kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hành tiết

kiệm, chống lãng phí, về những vi phạm pháp luật, tiêu cực xảy ra ở các lĩnh vực, phòng phụ trách.

3. Việc phân công công tác phải bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thống nhất, thông suốt của Cục trưởng đối với các mặt công tác của Cục CTPN. Các Phó Cục trưởng phải kịp thời báo cáo Cục trưởng khi vắng mặt, những vấn đề mới phát sinh, nhạy cảm, những vấn đề có ý kiến khác nhau giữa các Phó Cục trưởng.

Trường hợp vắng mặt, Cục trưởng ủy quyền cho một Phó Cục trưởng thay mặt chỉ đạo, quản lý, điều hành đơn vị, giải quyết các công việc và ký các văn bản thay Cục trưởng.

Điều 2. Phân công nhiệm vụ cụ thể

1. Cục trưởng Lê Tiến Châu

a) Lãnh đạo toàn bộ hoạt động của Cục CTPN theo quy định tại Quyết định số 1684/QĐ-BTP ngày 05 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục CTPN và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng, Thủ trưởng phụ trách về quản lý, điều hành Cục CTPN.

b) Trực tiếp phụ trách các lĩnh vực, nhiệm vụ và đơn vị sau:

- Công tác xây dựng thể chế, tổ chức cán bộ của Cục CTPN; báo cáo kết quả hoạt động công tác, báo cáo theo dõi địa phương hàng năm và giai đoạn của Cơ quan;

- Công tác theo dõi thi đua của các địa phương trong Khu vực;

- Chủ tài khoản của Cục CTPN;

- Phòng công tác Tư pháp khác;

- Công tác tư pháp các tỉnh, thành phố: TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Hậu Giang, Tây Ninh, Khánh Hòa, Phú Yên;

- Trường Trung cấp Luật Vị Thanh;

- Văn phòng đại diện Câu lạc bộ pháp chế doanh nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh;

- Các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng giao hoặc ủy quyền.

c) Trực tiếp ký các văn bản sau:

- Văn bản ký thừa lệnh Bộ trưởng hoặc được Bộ trưởng ủy quyền;
- Văn bản trình Ban Cán sự, Bộ trưởng, Thứ trưởng phụ trách;
- Văn bản thuộc thẩm quyền phụ trách của Cục trưởng, trừ văn bản ủy quyền các Phó Cục trưởng ký.

2. Phó Cục trưởng Hoàng Kim Chiến

a) Lãnh đạo, quản lý, điều hành chung mọi hoạt động của Cục CTPN trong trường hợp Cục trưởng vắng mặt.

b) Giúp Cục trưởng phụ trách các lĩnh vực, nhiệm vụ và đơn vị sau:

- Công tác thi đua của Cục CTPN, Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Cục CTPN;

- Công tác đoàn thể;

- Phòng công tác Hành chính tư pháp - Bổ trợ tư pháp;

- Công tác tư pháp các tỉnh: Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Đắk Nông, Lâm Đồng, Bình Thuận, Ninh Thuận, An Giang, Kiên Giang;

- Ký thay Cục trưởng các văn bản thuộc lĩnh vực phụ trách;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Cục trưởng.

3. Phó Cục trưởng Huỳnh Thị Lệ Thủy

Giúp Cục trưởng phụ trách các lĩnh vực, nhiệm vụ và đơn vị sau:

- Công tác tham mưu, tổng hợp, báo cáo của Cơ quan (trừ báo cáo kết quả hoạt động công tác, báo cáo theo dõi địa phương hàng năm và giai đoạn của Cơ quan và các báo cáo về phòng chống tham nhũng, cải cách hành chính);

- Công tác tài chính, quản trị và hành chính của Cơ quan;

- Chủ tài khoản thứ hai của Cục CTPN;

- Chủ tịch Hội đồng sáng kiến của Cục CTPN;

- Công tác Đảng của Chi bộ;

- Văn phòng;

- Công tác tư pháp các tỉnh: Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Bạc Liêu và Cà Mau;

- Ký thay Cục trưởng các văn bản thuộc lĩnh vực phụ trách;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Cục trưởng.

4. Phó Cục trưởng Trần Hoài Phú

Giúp Cục trưởng phụ trách các lĩnh vực, nhiệm vụ và đơn vị sau:

- Công tác thi hành án dân sự của các địa phương trong Khu vực;
- Công tác Thừa phát lại tại các địa phương thực hiện thí điểm;
- Công tác phòng, chống tham nhũng; cải cách hành chính của Cơ quan;
- Phòng Công tác thi hành án dân sự;
- Ký thay Cục trưởng các văn bản thuộc lĩnh vực phụ trách;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Cục trưởng.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 05/QĐ-CQĐD ngày 27 tháng 3 năm 2013 của Trưởng Cơ quan đại diện về việc phân công trong Lãnh đạo Cơ quan đại diện.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Lãnh đạo Cục CTPN, các đơn vị và cán bộ, công chức và người lao động của Cục CTPN chịu thi hành Quyết định này. / *ba*

Nơi nhận:

- Bộ trưởng;
- Thứ trưởng Lê Hồng Sơn;
- Thứ trưởng Nguyễn Thúy Hiền;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Các STP, Cục THADS KV phía Nam;
- Như Điều 4;
- Lưu: VT, VP.



Lê Tiến Châu

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 204/QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Vụ Pháp luật quốc tế**

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Vụ trưởng Vụ Pháp luật quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chức năng

Vụ Pháp luật quốc tế là đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, có chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng thực hiện công tác pháp luật quốc tế, bao gồm: xây dựng, tham gia xây dựng pháp luật và thẩm định dự án, dự thảo điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế và văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến pháp luật quốc tế; tham gia giải quyết tranh chấp quốc tế theo quy định của pháp luật; quản lý nhà nước về tương trợ tư pháp.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Xây dựng, trình Bộ trưởng kế hoạch công tác dài hạn, 5 năm và hàng năm của Vụ; tham gia xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, 5 năm và hàng năm của ngành Tư pháp.

2. Về tư pháp quốc tế:

a) Xây dựng trình Bộ trưởng chiến lược, kế hoạch phát triển về tư pháp quốc tế;

b) Chủ trì hoặc tham gia đề xuất ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế về tư pháp quốc tế;

c) Thẩm định, góp ý dự thảo điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế và việc gia nhập các điều ước quốc tế về tư pháp quốc tế;

d) Giúp Bộ trưởng thực hiện nhiệm vụ là cơ quan quốc gia trong quan hệ với các thành viên và Cơ quan thường trực của Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế;

đ) Đề xuất tham gia các diễn đàn, hội nghị, hoạt động quốc tế về tư pháp quốc tế thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Vụ;

e) Phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ đề xuất tham gia, thúc đẩy quan hệ với các tổ chức quốc tế về tư pháp quốc tế.

3. Về công pháp quốc tế:

a) Giúp Bộ trưởng thực hiện các nhiệm vụ liên quan tới quy chế thành viên Việt Nam tại Công ước của Liên hợp quốc về quyền dân sự và chính trị;

b) Thẩm định, góp ý dự thảo điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế và việc gia nhập các điều ước quốc tế, trừ dự thảo điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế về hợp tác với nước ngoài về pháp luật;

c) Thực hiện nhiệm vụ của đơn vị đầu mối của Bộ Tư pháp trong việc thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng theo quy định;

d) Đề xuất ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế về công pháp quốc tế theo quy định;

đ) Đề xuất tham gia các diễn đàn, hội nghị, hoạt động quốc tế về công pháp quốc tế thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Vụ;

e) Phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ đề xuất tham gia, thúc đẩy quan hệ với các tổ chức quốc tế về công pháp quốc tế.

4. Xây dựng, tham gia xây dựng, thẩm định, góp ý, rà soát, hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực pháp luật quốc tế, bao gồm biên giới, biển đảo, xuất nhập cảnh, thương mại quốc tế (trong đó có xuất nhập khẩu, hải quan), đầu tư nước ngoài, đấu thầu, hàng không, hàng hải, dầu khí và nhân quyền.

5. Về thực hiện nhiệm vụ cơ quan đầu mối về công tác điều ước quốc tế của Bộ Tư pháp:

a) Đề xuất các vấn đề mang tính chiến lược trong ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ;

b) Xây dựng hoặc tham gia xây dựng các kế hoạch thực hiện điều ước quốc tế theo quy định và phân công của Bộ trưởng;

c) Rà soát, thống kê các điều ước quốc tế trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ;

d) Tổng hợp, báo cáo chung về công tác điều ước quốc tế của Bộ Tư pháp.

6. Trình Bộ trưởng cấp ý kiến pháp lý cho các điều ước quốc tế, thỏa thuận vay vốn nước ngoài, chương trình, dự án, kế hoạch xử lý nợ nước ngoài và các văn kiện pháp lý khác theo quy định pháp luật hoặc theo sự phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

7. Tham gia đàm phán, góp ý cho các hợp đồng quốc tế có liên quan đến cơ quan nhà nước, các hồ sơ, dự án đầu tư; phát hành trái phiếu Chính phủ hoặc được Chính phủ bảo lãnh ra thị trường quốc tế theo quy định pháp luật.

8. Giúp Bộ trưởng thực hiện nhiệm vụ làm đại diện pháp lý cho Chính phủ trong các tranh chấp quốc tế theo quy định pháp luật hoặc theo sự phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

9. Làm đầu mối giúp Bộ trưởng thực hiện nhiệm vụ liên quan tới các vấn đề về nhân quyền thuộc phạm vi, trách nhiệm của Bộ Tư pháp.

10. Về tương trợ tư pháp:

a) Đề xuất ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận quốc tế về tương trợ tư pháp về dân sự; kiến nghị sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện pháp luật Việt Nam về tương trợ tư pháp về dân sự;

b) Tham gia đề xuất ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp về hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù; tham gia kiến nghị sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện pháp luật Việt Nam về tương trợ tư pháp trong các lĩnh vực này;

c) Thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự;

d) Kiểm tra việc thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự, thực hiện việc bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ hoạt động tương trợ tư pháp cho cán bộ thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp theo quy định của pháp luật;

đ) Báo cáo, trao đổi thông tin, đề xuất các giải pháp tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong thực hiện tương trợ tư pháp theo quy định của pháp luật;

e) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu pháp luật về tương trợ tư pháp theo quy định.

11. Đề cử, quản lý chuyên môn của đại diện của Bộ Tư pháp tại Phái đoàn thường trực của Việt Nam bên cạnh Liên hợp quốc, Tổ chức thương mại thế giới và các tổ chức quốc tế khác tại Giơ-ne-vơ.

12. Tổ chức triển khai thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch và văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Vụ.

13. Theo dõi tình hình thi hành pháp luật và có ý kiến về việc áp dụng pháp luật trong lĩnh vực tương trợ tư pháp và các lĩnh vực pháp luật thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Vụ theo quy định.

14. Tổ chức sơ kết, tổng kết, thực hiện chế độ báo cáo, thống kê về lĩnh vực, nhiệm vụ thuộc phạm vi chức năng của Vụ theo quy định của pháp luật.

15. Kiểm tra, tham gia thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Vụ; tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ trưởng.

16. Tham gia nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi chức năng của Vụ theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ.

17. Thực hiện công tác thi đua - khen thưởng và quản lý đội ngũ công chức, tài sản của Vụ theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ trưởng.

18. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng giao.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức, biên chế

1. Cơ cấu tổ chức

a) Lãnh đạo Vụ:

Lãnh đạo Vụ gồm có Vụ trưởng và không quá ba (03) Phó Vụ trưởng.

Vụ trưởng chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao của Vụ.

Các Phó Vụ trưởng giúp Vụ trưởng quản lý, điều hành hoạt động của Vụ; được Vụ trưởng phân công trực tiếp quản lý một số lĩnh vực, nhiệm vụ công tác; chịu trách nhiệm trước Vụ trưởng và trước pháp luật về những lĩnh vực công tác được phân công.

b) Các tổ chức trực thuộc Vụ:

- Phòng Tư pháp quốc tế.
- Phòng Công pháp quốc tế và nhân quyền.
- Phòng Pháp luật về đầu tư, vay nước ngoài và bảo lãnh Chính phủ.
- Phòng Hành chính – Tổng hợp.

Việc thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các tổ chức trực thuộc Vụ do Bộ trưởng quyết định trên cơ sở đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Vụ trưởng Vụ Pháp luật quốc tế.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác giữa các tổ chức trực thuộc Vụ do Vụ trưởng quy định.

2. Biên chế của Vụ thuộc biên chế hành chính của Bộ Tư pháp, do Bộ trưởng quyết định phân bổ trên cơ sở đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Vụ trưởng Vụ Pháp luật quốc tế.

Điều 4. Trách nhiệm và mối quan hệ công tác

Trách nhiệm và mối quan hệ công tác giữa Vụ với Lãnh đạo Bộ, các đơn vị thuộc Bộ, các Sở Tư pháp và các tổ chức, cá nhân có liên quan khác được thực hiện theo Quy chế làm việc của Bộ Tư pháp và các quy định sau đây:

1. Vụ chịu sự chỉ đạo, lãnh đạo trực tiếp của Bộ trưởng hoặc Thứ trưởng được phân công phụ trách, có trách nhiệm tổ chức thực hiện, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và trước pháp luật về kết quả giải quyết công việc được giao.

2. Vụ là đầu mối giúp Lãnh đạo Bộ thực hiện quan hệ với các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức hữu quan về các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Vụ.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 2 Quyết định này, nếu phát sinh những vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị khác thuộc Bộ Tư pháp thì Vụ có trách nhiệm chủ trì, tham gia với đơn vị đó để giải quyết.

Khi có yêu cầu của các đơn vị khác thuộc Bộ Tư pháp trong việc giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị đó mà có liên quan đến lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Vụ thì Vụ có trách nhiệm phối hợp giải quyết.

Trường hợp vượt quá thẩm quyền hoặc có ý kiến khác nhau giữa Vụ với các đơn vị khác thuộc Bộ thì Vụ trưởng có trách nhiệm báo cáo Bộ trưởng hoặc Thứ trưởng phụ trách trực tiếp.

4. Quan hệ công tác giữa Vụ và các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp:

a) Chủ trì, phối hợp với Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật, Vụ Pháp luật hình sự - hành chính, Vụ Pháp luật dân sự - kinh tế và các đơn vị liên quan trong công tác xây dựng pháp luật, các đề án, văn bản có nội dung chính liên quan đến yếu tố nước ngoài và các lĩnh vực pháp luật thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Vụ Pháp luật quốc tế;

b) Phối hợp với Vụ Hợp tác quốc tế trong việc thẩm định, góp ý dự thảo điều ước quốc tế, việc gia nhập điều ước quốc tế về hợp tác với nước ngoài về pháp luật; góp ý dự thảo thỏa thuận quốc tế về hợp tác với nước ngoài về pháp luật; thực hiện nhiệm vụ cơ quan đầu mối về công tác thỏa thuận quốc tế của Bộ Tư pháp;

c) Phối hợp với Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, Cục Con nuôi, Cục Hỗ trợ tư pháp, Cục Trợ giúp pháp lý, Cục Kiểm soát thủ tục hành chính và các đơn vị liên quan trong việc thực hiện các chức năng quản lý nhà nước và công tác xây dựng pháp luật, các văn bản, đề án có nội dung một phần liên quan đến yếu tố nước ngoài và pháp luật quốc tế.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

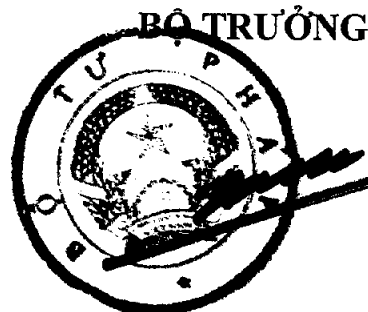
Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 809/QĐ-BTP ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Pháp luật quốc tế.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp luật quốc tế, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Tư pháp, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Tổ chức pháp chế các bộ, ngành;
- Lãnh đạo Bộ;
- Văn phòng Đảng ủy;
- Các tổ chức chính trị- xã hội cơ quan Bộ;
- Lưu: VT, các Vụ TCCB, PLQT.



Hà Hùng Cường

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 206/QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2014

QUẢN LÝ VĂN BẢN	203
28/1/14	

QUYẾT ĐỊNH
Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Vụ Hợp tác quốc tế

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chức năng

Vụ Hợp tác quốc tế là đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, có chức năng tham m giúp Bộ trưởng thực hiện quản lý thống nhất hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật; quản lý hoạt động đối ngoại và lễ tân đối ngoại của Bộ theo quy định pháp luật.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Vụ Hợp tác quốc tế (sau đây gọi là Vụ) có các nhiệm vụ, quyền hạn

1. Xây dựng, trình Bộ trưởng kế hoạch công tác dài hạn, 5 năm năm của Vụ; tham gia xây dựng chiến lược, quy hoạch và kế hoạch dài hạn, 5 năm và hàng năm của ngành Tư pháp.

2. Đề xuất, xây dựng chiến lược, chương trình, kế hoạch hợp tác về pháp luật, chương trình hoạt động đối ngoại hàng năm của Bộ Tư pháp trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc ban hành thẩm quyền.

3. Chủ trì xây dựng các dự án, dự thảo văn bản quy phạm hợp tác quốc tế về pháp luật để Bộ trưởng trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền.

4. Đề xuất gia nhập các tổ chức quốc tế, diễn đàn quốc tế về pháp luật; tham gia hoạt động của các tổ chức quốc tế, diễn đàn quốc tế theo thẩm quyền của Bộ trưởng.

5. Tổ chức triển khai thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch, dự án và văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế thuộc phạm vi chức năng của Vụ.

6. Rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi chức năng của Vụ.

7. Về công tác quản lý hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật:

a) Chủ trì xây dựng các dự thảo điều ước quốc tế (bao gồm cả điều ước quốc tế về ODA và vốn vay ưu đãi), thỏa thuận quốc tế về hợp tác với nước ngoài về pháp luật của Bộ để Bộ trưởng trình cơ quan có thẩm quyền quyết định đàm phán, ký kết hoặc quyết định đàm phán, ký kết theo thẩm quyền;

b) Thẩm định, góp ý dự thảo điều ước quốc tế (bao gồm cả điều ước quốc tế về ODA và vốn vay ưu đãi), thỏa thuận quốc tế về hợp tác với nước ngoài về pháp luật, dự thảo điều ước quốc tế về quan hệ hợp tác chung giữa Việt Nam và các quốc gia, tổ chức quốc tế và dự thảo thỏa thuận quốc tế trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ;

c) Thẩm định hoặc tham gia ý kiến đối với văn kiện các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về pháp luật; tham gia ý kiến đối với đề cương chương trình, dự án hợp tác về pháp luật;

d) Thẩm định nội dung và đề án tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế của các Bộ, ngành, địa phương và các tổ chức nước ngoài có nội dung liên quan đến các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ trình Bộ trưởng;

đ) Là đầu mối giúp Bộ trưởng tổ chức vận động, điều phối ODA, vốn vay ưu đãi của Chính phủ nước ngoài và viện trợ phi chính phủ nước ngoài trong hợp tác quốc tế về pháp luật;

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thiết lập và vận hành hệ thống giám sát và đánh giá chương trình, dự án hợp tác quốc tế về pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chia sẻ thông tin và khai thác hệ thống này;

g) Xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện hoạt động hợp tác với nước ngoài về pháp luật; các chỉ tiêu thống kê định kỳ về tình hình tiếp nhận và thực hiện các chương trình, dự án hợp tác với nước ngoài về pháp luật;

h) Hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện các quy định pháp luật về hợp tác quốc tế về pháp luật.

8. Thực hiện nhiệm vụ cơ quan đầu mối về công tác thỏa thuận quốc tế của Bộ Tư pháp:

a) Đề xuất xây dựng chiến lược, kế hoạch ký kết, gia nhập và thực hiện thỏa thuận quốc tế của Bộ Tư pháp;

b) Xây dựng hoặc tham gia xây dựng các kế hoạch thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định và phân công của Bộ trưởng;

c) Rà soát, thống kê các thỏa thuận quốc tế trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ;

d) Báo cáo công tác thỏa thuận quốc tế của Bộ Tư pháp theo quy định.

9. Điều phối hoạt động đối ngoại của Bộ theo Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại của Bộ.

10. Quản lý việc thực hiện và điều phối hoạt động của các chương trình, dự án hợp tác quốc tế do Bộ Tư pháp là cơ quan chủ quản hoặc các chương trình, dự án hợp tác quốc tế do các cơ quan khác là cơ quan chủ quản nhưng có sự tham gia thực hiện của các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp; quản lý tổ chức và hoạt động của Ban quản lý dự án chuyên trách của Bộ Tư pháp theo quy định của pháp luật và của Bộ.

11. Về công tác quản lý các hội nghị, hội thảo quốc tế của Bộ Tư pháp:

a) Tham gia ý kiến về nội dung và đề án tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế của các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp; đề xuất Bộ trưởng cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế theo quy định pháp luật;

b) Yêu cầu các đơn vị thuộc Bộ tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế chịu trách nhiệm về nội dung các tài liệu, báo cáo, tham luận, tư liệu, số liệu liên quan phát hành trước, trong và sau hội nghị, hội thảo;

c) Kiểm tra việc thực hiện các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, các quy định về thông tin, tuyên truyền trước, trong và sau hội nghị, hội thảo.

12. Quản lý và điều phối hoạt động của đội ngũ phiên dịch, tham gia đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ phiên dịch và cán bộ làm công tác đối ngoại của Bộ thuộc phạm vi chức năng của Vụ theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ.

13. Hướng dẫn, theo dõi việc thi hành pháp luật, đề xuất các chính sách, giải pháp nhằm giải quyết những vướng mắc mang tính hệ thống, liên ngành trong thi hành pháp luật thuộc phạm vi chức năng của Vụ.

14. Tham gia nghiên cứu khoa học, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi chức năng của Vụ theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ.

15. Tổ chức sơ kết, tổng kết, thực hiện chế độ báo cáo, thống kê về lĩnh vực, nhiệm vụ thuộc phạm vi chức năng của Vụ theo quy định của pháp luật.

16. Tổ chức kiểm tra, tham gia thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng của Vụ; phát hiện và đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ.

17. Thực hiện công tác thi đua - khen thưởng và quản lý đội ngũ công chức, tài sản của Vụ theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ.

18. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng giao.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức, biên chế

1. Cơ cấu tổ chức

a) Lãnh đạo Vụ:

Lãnh đạo Vụ gồm có Vụ trưởng và không quá ba (03) Phó Vụ trưởng.

Vụ trưởng chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao của Vụ.

Các Phó Vụ trưởng giúp Vụ trưởng quản lý, điều hành hoạt động của Vụ; được Vụ trưởng phân công trực tiếp quản lý một số lĩnh vực, nhiệm vụ công tác; chịu trách nhiệm trước Vụ trưởng và trước pháp luật về những lĩnh vực công tác được phân công.

b) Các tổ chức trực thuộc Vụ:

- Phòng Quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật;
- Phòng Hợp tác quốc tế khu vực Châu Âu và Châu Mỹ (gọi tắt là Phòng Hợp tác khu vực I);
- Phòng Hợp tác quốc tế khu vực Châu Á, Châu Phi và Châu Đại dương (gọi tắt là Phòng Hợp tác khu vực II);
- Phòng Hành chính - Tổng hợp - Lễ tân đối ngoại.

Việc thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các tổ chức trực thuộc Vụ do Bộ trưởng quyết định trên cơ sở đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác giữa các Phòng trực thuộc Vụ do Vụ trưởng quy định.

2. Biên chế của Vụ thuộc biên chế hành chính của Bộ Tư pháp, do Bộ trưởng quyết định phân bổ trên cơ sở đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế.

Điều 4. Trách nhiệm và mối quan hệ công tác

Trách nhiệm và mối quan hệ công tác giữa Vụ với Lãnh đạo Bộ, các đơn vị thuộc Bộ, các Sở Tư pháp và các tổ chức, cá nhân có liên quan khác được thực hiện theo Quy chế làm việc của Bộ Tư pháp, Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại của Bộ Tư pháp và các quy định sau đây:

1. Vụ chịu sự chỉ đạo, lãnh đạo trực tiếp của Bộ trưởng hoặc Thứ trưởng được phân công phụ trách, có trách nhiệm tổ chức thực hiện, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và trước pháp luật về kết quả giải quyết công việc được giao.

2. Vụ là đầu mối giúp Lãnh đạo Bộ thực hiện quan hệ đối ngoại của Bộ và trong quan hệ với cơ quan, tổ chức quốc tế, các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác về hợp tác với nước ngoài về pháp luật.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 2 Quyết định này, nếu phát sinh những vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị khác thuộc Bộ thì Vụ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với đơn vị đó để giải quyết.

Khi có yêu cầu của các đơn vị khác thuộc Bộ trong việc giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị đó mà có liên quan đến lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng của Vụ thì Vụ có trách nhiệm phối hợp giải quyết.

Trường hợp vượt quá thẩm quyền hoặc có ý kiến khác nhau giữa Vụ với các đơn vị khác thuộc Bộ thì Vụ trưởng có trách nhiệm báo cáo Bộ trưởng hoặc Thứ trưởng phụ trách trực tiếp.

4. Quan hệ công tác giữa Vụ và các đơn vị thuộc Bộ:

a) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ và các đơn vị có liên quan thuộc Bộ xây dựng, thực hiện Chương trình hoạt động đối ngoại hàng năm của Bộ;

b) Phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ đề xuất việc tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ phiên dịch, cán bộ làm công tác đối ngoại của Bộ và đề xuất nhân sự cho các đoàn ra trình Bộ trưởng xem xét, quyết định;

c) Phối hợp với Vụ Pháp luật quốc tế, Cục Con nuôi và các đơn vị có liên quan khác thuộc Bộ trong việc xây dựng kế hoạch, phương án ký kết, gia nhập, thực hiện điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế về những nội dung liên quan đến phạm vi quản lý nhà nước của các đơn vị ;

d) Chủ trì, phối hợp Vụ Pháp luật quốc tế thẩm định, góp ý các dự thảo điều ước quốc tế về quan hệ hợp tác chung giữa Việt Nam và các quốc gia, tổ chức quốc tế;

đ) Phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính trong quản lý, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ quốc tế về hợp tác với nước ngoài về pháp luật và tư pháp thuộc phạm vi quản lý của Bộ;

e) Phối hợp, hỗ trợ các đơn vị khác thuộc Bộ trong thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của đơn vị đó nhưng có liên quan đến hợp tác quốc tế.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 810/QĐ-BTP ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Hợp tác quốc tế.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Tư pháp, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / . e

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Lãnh đạo Bộ;
- Văn phòng Đảng ủy;
- Các tổ chức chính trị- xã hội cơ quan Bộ;
- Lưu: VT, các Vụ TCCB, HTQT.



Hà Hùng Cường